



TÌM HIỂU VỀ LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN



Thượng úy, CN. Nguyễn Văn Phên *

Tóm tắt nội dung: Luật Căn cước công dân (CCCD) năm 2014 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 20/11/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016. Bài viết giới thiệu sự cần thiết và một số nội dung cơ bản về Luật CCCD.

1. Sự cần thiết ban hành Luật căn cước công dân.

Căn cước công dân có vai trò cần thiết trong việc xác định một người cụ thể; phục vụ quản lý Nhà nước về trật tự, an toàn xã hội, quản lý dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch của người dân. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về căn cước công dân như Quyết định số 143/CP ngày 9/8/1976 của Hội đồng Chính phủ về việc cấp giấy căn cước cho nhân dân trong cả nước; Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 3/2/1999 về Chứng minh nhân dân (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007; Nghị định số 106/2013/NĐ-CP ngày 17/9/2013); Thông tư 07/2014/TT-BCA ngày 13/02/2014 quy định về quy trình cấp, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân...

Cơ sở dữ liệu căn cước công dân hiện nay chủ yếu được lưu trữ thủ công, không được kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc cấp, quản lý, sử dụng Chứng minh nhân dân (CMND) chưa đáp ứng được yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và thực hiện Chính phủ điện tử. Để khắc phục các bất cập trong công tác quản lý

dân cư, ngày 18/8/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2010/NĐ-CP quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ngày 8/6/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020.

Có thể nói các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để cấp, quản lý CMND, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch của nhân dân, phục vụ yêu cầu nghiệp vụ Công an, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm trật tự, an toàn xã hội. Trên cơ sở các văn bản này, hệ thống cơ quan quản lý căn cước công dân đã hình thành trên cả nước với đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện; cơ sở dữ liệu CMND với hệ thống tàng thư căn cước công dân đã và đang đáp ứng yêu cầu cấp, đổi, cấp lại CMND và yêu cầu nghiệp vụ Công an.

Hiện nay, Bộ Công an lưu giữ tại tàng thư căn cước công dân với hàng triệu tờ khai và chỉ

* Giảng viên, Khoa QLNN về TTATXH,
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.



bản của công dân đến làm thủ tục cấp CMND. Tàng thư căn cước công dân đã được khai thác, sử dụng phục vụ công tác cấp CMND và phòng chống tội phạm, cụ thể như truy tìm tung tích nạn nhân; tra cứu phục vụ công tác nghiệp vụ; tra cứu phục vụ truy nã người phạm tội và nhận diện đối tượng...

Công tác quản lý, khai thác tàng thư căn cước công dân phục vụ yêu cầu nghiệp vụ quản lý của ngành Công an và yêu cầu của công dân đã từng bước được cải tiến, đổi mới đảm bảo việc cấp CMND đúng đối tượng. Cùng với công tác cấp, quản lý CMND, Bộ Công an đã chỉ đạo việc tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc mang, dùng CMND; phối hợp giữa kiểm tra CMND với kiểm tra cư trú, giao thông trật tự và ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự phục vụ có hiệu quả các đợt tấn công, trấn áp tội phạm, bảo vệ các ngày lễ lớn. Qua thực hiện kiểm tra CMND thường xuyên, đợt xuất đã phát hiện nhiều đối tượng truy nã, đối tượng nghi vấn hoạt động phạm tội và cung cấp hàng nghìn nguồn tin cho các lực lượng điều tra khám phá án; kịp thời phát hiện và ngăn chặn hàng nghìn trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ, dùng sổ hộ khẩu của người khác để xin cấp CMND, tráo người xin cấp...

Nhìn chung, công tác kiểm tra việc mang, dùng CMND ở những thời điểm nhất định đã phục vụ hiệu quả yêu cầu quản lý xã hội và yêu cầu nghiệp vụ của ngành Công an; nâng cao ý thức mang, dùng CMND của công dân; kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý CMND để khắc phục, từng bước nâng cao hiệu quả chất lượng công tác; đáp ứng nhu cầu đi lại, giao dịch của nhân dân và phục vụ hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Tuy nhiên, công tác này còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Một số địa phương chậm trễ, lúng túng trong việc giao, nhận hồ sơ CMND; hiện nay Công an các địa phương còn tồn đọng cấp tờ khai, chỉ bản chưa được giao nhận theo quy

định. Nhiều địa phương sắp xếp tờ khai, chỉ bản CMND không đúng quy định dẫn đến việc tra cứu, xác minh phục vụ công tác cấp CMND và yêu cầu nghiệp vụ khác gặp rất nhiều khó khăn.

Còn có hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu xảy ra trong cấp, quản lý CMND gây dư luận không tốt trong nhân dân, ảnh hưởng tới uy tín của ngành Công an và trực tiếp là công tác cấp, quản lý CMND. Thực hiện các nguyên tắc, quy trình, quy định, thủ tục cấp, quản lý CMND ở một số địa phương chưa nghiêm túc dẫn đến sơ hở, sai lệch như: không làm tốt công tác lập danh sách những người thuộc diện cấp CMND, những người đến tuổi nhưng chưa được cấp CMND, không chú ý phối hợp chặt chẽ với công tác đăng ký, quản lý cư trú, không ghi đầy đủ số CMND vào sổ hộ khẩu theo quy định dẫn đến sót lọt trong theo dõi, thống kê, gây khó khăn trở ngại khi kiểm tra đối chiếu làm thủ tục cấp CMND.

Việc tuyên truyền vận động nhân dân, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, xử lý vi phạm trong mang, dùng CMND còn hạn chế, chưa thường xuyên. Một số địa phương chỉ tập trung vào các đợt cao điểm rồi buông lỏng. Công tác tra cứu tàng thư căn cước công dân khi cấp mới, cấp lại, cấp đổi một số địa phương thực hiện chưa tốt, thiếu đồng bộ và chặt chẽ, vẫn còn trường hợp tra cứu xác minh chậm dẫn đến việc hoàn thiện CMND trả cho công dân chưa đảm bảo thời gian hoặc để người dân phải đi lại nhiều lần.

Sau nhiều năm thực hiện các quy định pháp luật về căn cước công dân cho thấy, các quy định này còn tản mạn, chủ yếu được ban hành dưới hình thức nghị định của Chính phủ nên hiệu lực thi hành thấp. Trong khi đó, quyền và nghĩa vụ của công dân về căn cước công dân là quyền và nghĩa vụ cơ bản nên cần phải được quy định trong một văn bản có hiệu lực pháp lý cao là Luật. Mặt khác, trước sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là bối cảnh thực hiện các yêu cầu mới, cụ thể là:

Yêu cầu phải đẩy mạnh đơn giản hóa



thủ tục hành chính, giấy tờ công dân, từng bước thực hiện Chính phủ điện tử. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu căn cước công dân hiện nay chủ yếu được lưu trữ thủ công, không được kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng Luật căn cước công dân để tạo cơ sở pháp lý thực hiện các yêu cầu và nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính thì trình tự, thủ tục cấp, đổi, cấp lại CMND cần phải được hoàn chỉnh theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính. Nơi làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại CMND cũng cần phải được quy định linh hoạt hơn để đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của công dân.

Các thông tin về căn cước công dân có ý nghĩa quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu giao dịch của cơ quan, tổ chức, công dân nhưng lại gắn liền với bí mật đời tư cá nhân. Song pháp luật hiện hành chưa quy định về thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác các thông tin về căn cước công dân để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước cũng như đáp ứng quyền, lợi ích chính đáng của công dân.

Kỹ thuật, công nghệ cấp, quản lý CMND còn lạc hậu, đã có trường hợp làm giả CMND để thực hiện giao dịch bất hợp pháp hoặc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất CMND bảo đảm bền, đẹp, chống làm giả và các thông tin trên CMND cần được nghiên cứu quy định để có thể tiến tới bỏ sổ hộ khẩu, đơn giản hóa giấy tờ cho công dân.

Pháp luật hiện hành quy định chưa cụ thể quyền, nghĩa vụ của công dân cũng như trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý căn cước công dân nên cần phải hoàn thiện quy định này để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho các chủ thể thực hiện quyền, trách nhiệm của mình trong lĩnh vực này.

Với những lý do nêu trên, việc ban hành

Luật Căn cước công dân là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo quyền của công dân được Hiến pháp quy định cũng như đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính hiện nay.

2. Bố cục của Luật Căn cước công dân gồm 6 Chương, 39 Điều

Chương I: Quy định chung gồm 7 điều (từ Điều 1 đến Điều 7)

Chương II: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Gồm 2 Mục và 10 điều (từ Điều 8 đến Điều 17)

Chương III: Thẻ Căn cước công dân và việc cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân. Gồm 02 mục và 11 điều (từ Điều 18 đến Điều 28)

Chương IV: Bảo đảm điều kiện cho hoạt động quản lý căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Gồm 05 Điều (từ Điều 29 đến Điều 33)

Chương V: Trách nhiệm quản lý căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Gồm 4 điều (từ Điều 34 đến Điều 37)

Chương VI: Điều khoản thi hành. Gồm 02 điều (Điều 38 và Điều 39)

3. Một số nội dung cơ bản của Luật Căn cước công dân

- *Phạm vi điều chỉnh*: Luật Căn cước công dân quy định về căn cước công dân, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quản lý, sử dụng thẻ căn cước công dân; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc bổ sung quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong Luật nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cấp, quản lý số định danh cá nhân, tạo sự đổi mới căn bản về tổ chức, hoạt động quản lý nhà nước về dân cư theo hướng hiện đại, đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân.

- *Đối tượng áp dụng*: Luật Căn cước công dân năm 2014 áp dụng đối với công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên



quan trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Thẻ căn cước công dân:

+ Tuổi cấp thẻ căn cước công dân: Luật quy định được cấp thẻ căn cước công dân người từ đủ 14 tuổi trở lên. Việc cấp giấy khai sinh cho trẻ em dưới 14 tuổi vẫn được thực hiện, điều này là hoàn toàn phù hợp với quyền được khai sinh của trẻ em, phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh hầu hết các nước đều cấp giấy khai sinh để chứng minh thông tin khai sinh, phù hợp với bản chất của việc cấp thẻ căn cước công dân, khi các đặc điểm nhân dạng của một cá nhân đã ổn định và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật.

+ Thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân: Công dân đến làm thẻ, cấp lại thẻ căn cước công dân chỉ cần điền vào tờ khai cấp thẻ căn cước công dân. Trường hợp đổi thẻ do thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên, đặc điểm nhân dạng, xác định lại giới tính, quê quán hoặc có sai sót về thông tin trên thẻ mà chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì công dân nộp bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin này.

+ Nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại giấy tờ về căn cước công dân: Luật quy định công dân có thể lựa chọn một trong các nơi sau đây để làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân: Tại cơ quan quản lý căn cước công dân của Bộ Công an; cơ quan quản lý căn cước công dân của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan quản lý căn cước công dân của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân trong trường hợp cần thiết.

+ Hạn sử dụng của thẻ căn cước công dân: Thẻ phải được đổi khi công dân đủ 25 tuổi, đủ 40 tuổi và đủ 60 tuổi. Trường hợp thẻ được cấp, đổi, cấp lại trong thời hạn 2 năm trước tuổi quy định nêu trên thì vẫn có giá trị sử dụng đến tuổi đổi thẻ tiếp theo.

Ngoài những vấn đề nêu trên, để bảo đảm giá trị sử dụng của những CMND được cấp trước ngày Luật có hiệu lực, tránh gây xáo trộn cho công dân trong các giao dịch, Luật quy định đối với CMND đã được cấp trước ngày Luật CCCD có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng đến hết thời hạn theo quy định; khi công dân có yêu cầu thì đổi sang thẻ căn cước công dân.

Đồng thời, để các địa phương có thời gian bảo đảm về cơ sở vật chất, nhân lực cho triển khai cấp thẻ căn cước công dân theo công nghệ mới, Luật cũng quy định khi Luật CCCD có hiệu lực, địa phương chưa có điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và cán bộ quản lý căn cước công dân để triển khai thi hành thì công tác quản lý công dân vẫn thực hiện theo các quy định của pháp luật trước ngày Luật CCCD có hiệu lực. Chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 phải thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Căn cước công dân.

- Trách nhiệm quản lý Căn cước công dân:

+ Trách nhiệm quản lý nhà nước về Căn cước công dân:

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

+Trách nhiệm của Bộ Công an:

Ban hành, phối hợp ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về căn cước công dân. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ những quy định về quản lý căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân của cơ quan, tổ chức trái với quy định của Luật CCCD. Chỉ đạo việc sản



xuất, quản lý thẻ căn cước công dân. Quản lý cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Quy định chi tiết thủ tục, trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân. Ban hành biểu mẫu dùng trong quản lý căn cước công dân. Quy định về quản lý tàng thư căn cước công dân.

Tổ chức bộ máy, trang bị phương tiện, đào tạo, huấn luyện cán bộ làm công tác quản lý căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân; tổ chức sơ kết, tổng kết, nghiên cứu khoa học về công tác quản lý căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Thống kê nhà nước về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của pháp luật.

- Hợp tác quốc tế về quản lý căn cước công dân

+ Trách nhiệm của các Bộ, Ngành:

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định của pháp luật về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quản lý nhà nước về căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bộ Tư pháp tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan đăng ký hộ tịch cung cấp, cập nhật thông tin về hộ tịch của công dân cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách công nghệ thông tin có liên quan về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công an bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân; kinh phí bảo đảm cho việc cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân; quy định cụ thể đối tượng, mức thu

và việc quản lý, sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông bố trí nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để xây dựng, duy trì hoạt động cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân, bảo đảm cho việc cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân.

+ Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân tại địa phương. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của pháp luật.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, những quy định trong Luật Căn cước công dân tạo nên hành lang pháp lý quan trọng và là cơ sở để chúng ta tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác cấp phát, quản lý căn cước công dân và cơ sở dữ liệu căn cước công dân hiện nay. Luật Căn cước công dân rất cần thiết trong việc thực hiện sứ mệnh chung về cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử tại Việt Nam. Đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính công, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phục vụ yêu cầu nghiệp vụ của ngành Công an, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm trật tự, an toàn xã hội./.